

Bản án số 11/2023/DS-PT

Ngày 09/01/2023

Về “*Tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Phạm Việt Cường, ông Trương Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: bà Dương Thị Tuyết Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 195/TBTL-TA ngày 01/11/2022 “*Tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 503/2022/QĐ-PT ngày 20/12/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Kiều Thị L, sinh năm 1957; địa chỉ: tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L là bà Phạm Bảo T, sinh năm 1986; địa chỉ: tỉnh Phú Yên, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Kiều Văn C, sinh năm 1951; địa chỉ: tỉnh Phú Yên, có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. vắng mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên, có công văn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.3. Cụ Lê Thị L, sinh năm 1924, vắng mặt.

3.4. Ông Kiều Văn Đ, sinh năm 1964, vắng mặt.

3.5. Ông Kiều Công N, sinh năm 1970, vắng mặt.

3.6. Bà Kiều Thị K, sinh năm 1967, vắng mặt.

3.7. Ông Kiều Văn T, sinh năm 1972, có mặt.

3.8. Ông Kiều Văn T, sinh năm 1976, có mặt.

Cụ L, ông Đ, ông N, bà K, ông T, ông T cùng trú tại: Thôn ĐA, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

3.9. Bà Kiều Thị L, sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

3.10. Bà Kiều Thị T, sinh năm 1978; nơi cư trú: huyện P, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

3.11. Cụ Kiều Thị N, sinh năm 1941; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

3.12. Cụ Kiều Thị L, sinh năm 1955; nơi cư trú: xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

3.13. Ông Dương Kim T, sinh năm 1964, có mặt.

3.14. Bà Dương Thị L, sinh năm 1959, vắng mặt.

Ông T, bà L cùng trú tại: Thôn ĐA, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

3.15. Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1968; nơi cư trú: tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

3.16. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1970, vắng mặt.

3.17. Bà Nguyễn Thị L (B), sinh năm 1973, vắng mặt.

3.18. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1977, vắng mặt.

Ông T, bà L, ông C cùng trú tại: xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

3.19. Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1976; nơi cư trú: Khu phố Định T 1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

3.20. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1974; nơi cư trú: tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 24/8/2017, Đơn thay đổi, bổ sung vào các ngày 02/10/2017, 08/10/2018 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Kiều Thị L trình bày: Cha mẹ bà L là cụ Kiều C (sinh năm 1925, chết ngày 13/4/2017) và cụ Lê Thị L sinh được 09 người con gồm: Kiều Văn C, Kiều Văn Đ, Kiều Văn T, Kiều Văn T, Kiều Thị K, Kiều Công N, Kiều Thị L, Kiều Thị T, Kiều Thị L. Cha mẹ tạo lập được khối tài sản chung là 200m² đất ở, 920m² đất HNK thuộc thửa đất số 139 tờ bản đồ 324-C, thôn ĐA, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BX 583076 ngày 25/11/2014 cho ông Kiều C, bà Lê Thị L 200m² đất ở ghi thửa 343 tờ bản đồ 324-C. Cụ Kiều C chết không để lại di chúc nên gia đình họp nhiều lần để giải quyết việc chia di sản thừa kế do cụ Kiều C để lại nhưng không thành do ông Kiều Văn C không đồng ý. Ông C cho rằng cụ Kiều C đã có Di chúc và tổ chức họp gia đình để giao lại toàn bộ đất của cha mẹ cho ông C thì bà L không đồng ý vì Di chúc có nhiều điểm chưa hợp lệ, Biên bản họp gia đình họ Kiều ngày 28/4/2012 (ÂL) không có đầy đủ các thành viên trong hộ cụ Kiều C, không có xác nhận của chính quyền địa phương, ông C nhiều lần trả giấy tờ nhà cho cha mẹ, không thực hiện trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng mẹ như ý nguyện của cha lúc còn sống; do đó, bà L khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cha để lại trong ½ khối tài sản chung là 920m² đất HNK (đo thực tế là 1.092,7m²) theo pháp luật, bà L xin nhận hiện vật, còn diện tích 200m² đất ở có nhà cấp 4 của cha mẹ thì bà L không yêu cầu chia thừa kế mà giữ lại làm nhà thờ họ tộc như ý nguyện của ông Kiều Văn C và các cô Kiều Thị N, Kiều Thị L.

- *Bị đơn là ông Kiều Văn C trình bày:* Nguyên trước đây ông bà cố của ông C là cố Kiều N có mua đất thổ cư của vợ chồng cố Phạm Trung H ngày 17/02/1969 tại tờ bản đồ số 14, thửa số 189, diện tích 720m² có *Chứng thư kiến điền* ký ngày 14/3/1969. Theo *Bản tông chi* và *Bản đồng ưng trí cấp hương hỏa do tộc họ Kiều* đã giao phần đất này cho ông bà nội Kiều L, Lê Thị Q nhận lãnh thờ cúng, phụng sự tổ tiên họ Kiều, sau khi ông bà nội chết đã để lại cho cha mẹ ông Kiều Văn C là cụ là Kiều C, cụ Lê Thị L phụng sự. Ngày 28/4/2012 (ÂL), cha mẹ cùng anh chị em của ông C lập biên bản thống nhất giao khối tài sản đất thổ cư, nhà ở cho con trai trưởng là Kiều Văn C quản lý, thừa kế, chịu trách nhiệm sửa chữa nhà ở và nuôi cha mẹ đến ngày già yếu qua đời. Đối với căn nhà cấp 4 trên đất hương hỏa, bản thân ông C ứng tiền ra sửa sau đó Nhà nước cấp tiền hỗ trợ người có công thì ông C đã nhận lại tiền, nên căn nhà này dùng làm nơi thờ cúng họ tộc. Ngày 13/4/2017, cha qua đời, em gái Kiều Thị L kiện chia thừa kế đất này là không đúng, vì đất và nhà là dùng làm nhà thờ cúng của dòng họ Kiều. Do đó, ông C không đồng ý với ý kiến của nguyên, đơn về việc chia thừa kế, hiện nay mẹ là cụ Lê Thị L được quyền quản lý sử dụng cho đến khi mất thì sẽ giao lại cho tất cả các con cháu ai cũng được quyền quản lý, sử dụng thờ cúng tổ tiên, nếu các anh chị em thống nhất giao cho ông C thì ông C xin nhận lãnh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Kiều Thị N, cụ Kiều Thị L trình bày: Ngày 17/02/1969, ông nội các bà là Kiều N có mua đất thổ cư của vợ chồng cố Phạm Trung H tại tờ bản đồ số 14, thửa số 189 diện tích 720m² để thành lập nhà thờ họ Kiều, từ đời ông nội để lại cho cha là Kiều L. Cha Kiều L có mẹ là Lê Thị Q sinh được 05 người con gồm Kiều C, Kiều Thị L (chết), Kiều Quý Đ (chết), Kiều Thị L, Kiều Thị N. Cha chết để lại cho anh ruột Kiều C ở phụng sự ông bà tổ tiên họ Kiều. Kiều C ủy quyền thừa kế lại cho con trai là Kiều Văn C lo tu sửa nhà thờ bằng tiền chính sách hỗ trợ người có công cách mạng bị tù đày. Diện tích đất này hiện nay Nhà nước cân đối cấp cho cá nhân Kiều C, Lê Thị L ghi thửa 139 tờ bản đồ 324-C, diện tích 1.120m² là không đúng, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cấp lại cho nhà thờ họ Kiều, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nếu chia thừa kế thì các Cụ cũng phải được chia phần của cha mẹ là cố Kiều L, cố Lê Thị Q, phần đó các Cụ giao lại cho Kiều Văn C làm nơi thờ cúng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Lê Thị L (vợ cụ Kiều C) trình bày:* Cụ và cụ Kiều C có 09 người con gồm: Kiều Văn C, Kiều Văn Đ, Kiều Văn T, Kiều Văn T, Kiều Thị K, Kiều Công N, Kiều Thị L, Kiều Thị T, Kiều Thị L. Quá trình chung sống, hai Cụ tạo lập được 01 ngôi nhà cấp 4 và các công trình phụ nhà bếp, chuồng heo trên diện tích 200m² đất ở và 920m² đất vườn được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tháng 8/2017, cụ C chết. Nay con là bà Kiều Thị L yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ C thì cụ L đề nghị Tòa án công nhận toàn bộ diện tích đất 1.120m² thuộc thửa 139 tờ bản đồ 324-C là tài sản chung của vợ chồng cụ C, cụ L; đề nghị không chia căn nhà trên 200m² đất ở, còn lại đồng ý chia thừa kế và cụ L nhường kỹ phần của mình cho bà L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Kiều Văn T, Kiều Văn T, Kiều Văn N, Kiều Thị K, Kiều Công Đ, Kiều Thị L (là các con của vợ chồng cụ Kiều C) yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Kiều C theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Kiều Thị Thủy (con vợ chồng cụ Kiều C) vắng mặt, không gửi ý kiến trình bày.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Kim T trình bày: mẹ ông là cụ Kiều Thị L (cụ L là chị ruột cụ Kiều C) có 8 người con là Dương Thị L, Dương Kim T, Nguyễn Thị E, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn C. Nhà đất hiện nay bà Kiều Thị L (con cụ Kiều C) yêu cầu chia thừa kế là tài sản của ông bà ngoại tạo lập, do cậu ruột là cụ Kiều C quản lý, sử dụng dùng vào việc hương hỏa của dòng họ Kiều; do đó không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của bà L, tuy nhiên nếu Tòa án chia thừa kế thì ông giao kỹ phần mình được hưởng cho ông Kiều Văn C quản lý dùng vào việc thờ cúng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các con cụ Kiều Thị L (gồm bà Dương Thị L, bà Nguyễn Thị Hồng H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị E, ông Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn C) không có ý kiến đối với tài sản các bên tranh chấp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã H, UBND huyện P cho biết: Thừa đất số 139 tờ bản đồ 324C diện tích 1.120m² (200m² ONT, 920m² đất vườn) được cân đối theo Nghị định 64/CP cho hộ ông Kiều C gồm 06 nhân khẩu là Kiều C, Lê Thị L, Kiều Văn T, Kiều Thị T, Kiều Văn T, Lê Thị Q. Quá trình sử dụng đất, Kiều C kê khai hồ sơ địa chính được phê duyệt từ năm 1997, cha mẹ Kiều C là Kiều L và Lê Thị Q không đăng ký kê khai đất tại địa phương.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 12/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định:

Căn cứ khoản 5, 9 Điều 26, các Điều 34, 147, 165, 227, 228 BLTTDS; Điều 31, 32 LTTHC; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Áp dụng các Điều 612, 613, 614, 649, 651, 652 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 95, 126, 166, 167, 168, 169, 170, 203 Luật Đất đai năm 2013.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kiều Thị L tại Đơn khởi kiện ngày 24/8/2017, bổ sung ngày 02/10/2017, thay đổi ngày 08/10/2018 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Kiều C.

Bà Kiều Thị L được quyền sử dụng diện tích đất 205,2m² loại đất BHK (trị giá 18.468.000đ), có giới cận: phía Bắc giáp thửa đất lúa số 399 (cạnh 5-6: 14,05m, 6-7: 17,93m), phía Nam giáp phần đất tạm giao cho bà L (cạnh 3-8: 34,09m), phía Đông giáp thửa đất BHK số 442 (cạnh 7-8: 6m), phía Tây giáp thửa đất lúa số 439 (cạnh 3-4: 3,98m, cạnh 4-5: 2,83m), thuộc thửa đất số 139 tờ bản đồ 324C tọa lạc tại thôn ĐA, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính số 05-2021 ghi thửa 440). Trên đất có nhà vệ sinh diện tích 2,9m² và 02 cây dừa, 04 cây chuối theo Biên bản định giá ngày 23/4/2021. Bà Kiều Thị L

được quyền liên hệ với các cơ quan chức năng để đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Tạm giao cho cụ Lê Thị L được quyền sử dụng diện tích đất BHK còn lại là 887,5m² có giới cận: phía Bắc giáp thửa đất chia cho bà L (cạnh 3-8: 34,09m), phía Nam giáp nương (cạnh 11-12: 13,82m, cạnh 12-1: 20,89m), phía Đông giáp đường đi (cạnh 10-11: 2.85m) và thửa đất BHK số 442 (cạnh 8-8: 14,58m, cạnh 9-10: 16,12m), phía Tây giáp thửa đất lúa số 439 (cạnh 1-2: 8,42m, cạnh 2-3: 20,44m) và diện tích đất ở 200m² (theo GCNQSDĐ số BX 583076, số vào sổ cấp GCN:CH0044 do UBND huyện P cấp ngày 25/11/2014 cho vợ chồng ông Kiều C, Lê Thị L) nằm trong thửa đất BHK (thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính số 05-2021), sở hữu các tài sản trên đất gồm căn nhà cấp 4 diện tích 108,7m², sân xi măng diện tích 81m², giếng khoan 12m, cây trồng gồm 04 bụi tre mỡ, 02 cây dừa có trái theo Biên bản định giá ngày 26/01/2018 và 23/4/2021.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Kiều Thị L, bà Kiều Thị N về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 583076, số vào sổ cấp GCN: CH0044 do UBND huyện P cấp ngày 25/11/2014 cho vợ chồng ông Kiều C, Lê Thị L.

3. Về chi phí thẩm định tại chỗ, định giá: Bà Kiều Thị L chịu toàn bộ chi phí tố tụng số tiền 12.000.000đ, bà L đã nộp đủ.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự Kiều Thị L, Kiều Văn C, Kiều Thị N, Kiều Thị L, Lê Thị L. Hoàn lại cho bà Kiều Thị L số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007681 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên.

- Ngày 03//10/2022, Bị đơn (ông Kiều Văn C) kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn giữ nguyên kháng cáo.

- Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, H đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng nội dung vụ án nên đề nghị H đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ việc hỏi và tranh luận; căn cứ ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến của vị đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vợ chồng cố Kiều L (sinh năm 1914, chết 1989) cố Lê Thị Q (sinh năm 1915, chết năm 2004) có 05 người con là cụ Kiều C, cụ Kiều Quý Đ (liệt sĩ, không có vợ con), cụ Kiều Thị L, cụ Kiều Thị N, cụ Kiều Thị L (chết năm 1995 - trước

cố Q). Vợ chồng cụ Kiều C (chết ngày 13/4/2017), vợ là cụ Lê Thị L có 09 người con là Kiều Văn C, Kiều Văn Đ, Kiều Văn T, Kiều Văn T, Kiều Thị K, Kiều Công N, Kiều Thị L, Kiều Thị T, Kiều Thị L. Cụ Kiều Thị L (chết năm 1995, trước cố Q) có 8 người con là Dương Thị L, Dương Kim T, Nguyễn Thị E, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn C.

[2] Nguyên đơn (bà Kiều Thị L) khởi kiện cho rằng cha mẹ là vợ chồng cụ Kiều C, cụ Lê Thị L tạo lập được tài sản là quyền sử dụng thửa đất ở số 343, diện tích 200m² (trên đất có căn nhà cấp 4 diện tích 108,7m², sân xi măng diện tích 81m², giếng khoan 12m theo Biên bản định giá ngày 26/01/2018 và 23/4/2021) và quyền sử dụng thửa đất trồng cây hàng năm khác số 139 diện tích 920m², cùng tờ bản đồ số 324-C, thôn Đình Thành, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BX 583076 (số vào sổ cấp GCN: CH0044) ngày 25/11/2014 cho ông Kiều C, bà Lê Thị L. Cụ Kiều C chết ngày 13/4/2017 nên bà L khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cha là cụ Kiều C.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều thống nhất không yêu cầu chia thừa kế diện tích đất ở tại thửa 343 gắn liền nhà ở và thống nhất giao cho cụ Lê Thị L tiếp tục quản lý, sử dụng dùng làm nơi thờ cúng. Đối với quyền sử dụng diện tích 920m² loại đất hàng năm khác (đo thực tế 1.092,7m² ghi thửa 440 theo Mảnh trích đo chỉnh lý Bản đồ địa chính xã H số 05-2021 ngày 11/6/2021 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Phú Yên thực hiện) thuộc thửa đất số 139 liền kề thửa 343 thì tại Công văn số 21/CV-UBND ngày 05/5/2022, UBND xã H cung cấp diện tích có tăng do biến động ranh giới trong quá trình sử dụng đất, nên cần công nhận diện tích thực tế. Trên đất có 04 bụi tre mỡ, 04 cây chuối, 04 cây dứa có trái các đương sự không tranh chấp nên không định giá theo Biên bản định giá ngày 23/4/2021.

[4] Xét về nguồn gốc di sản bà Kiều Thị L, bà Kiều Thị N, ông Kiều Văn C cho rằng đất có nguồn gốc do ông bà nội là Kiều N mua của vợ chồng ông Phạm Trung H ngày 17/02/1969, tờ bản đồ số 14, thửa số 189, diện tích 720m² có *Chứng thư kiến điền* ký ngày 14/3/1969; sau đó, để lại cho ông bà nội của ông C là cô Kiều L, cố Lê Thị Q thừa kế để thờ cúng, phụng sự tổ tiên họ Kiều. Sau khi ông bà nội chết để lại cho cha mẹ ông C là cụ Kiều Văn C, cụ Lê Thị L phụng sự, là đất hương hỏa thờ tự nên không đồng ý chia. Cụ L thừa nhận vợ chồng cụ L thừa hưởng thừa kế đất của cha mẹ chồng để lại từ lâu, thực hiện đăng ký kê khai quyền sử dụng đất với Nhà nước, được Nhà nước công nhận và đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hai Cụ có công chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ chồng lúc sống và thực hiện chu đáo nghĩa vụ thờ cúng và trước khi chết cụ Kiều C có ý nguyện giao cho Cụ quản lý toàn bộ nhà đất. Đối với Kiều Thị L thì do L không có con nên lúc cha mẹ chồng và chồng (cụ C) còn sống đã có ý nguyện cho bà L 01 lô đất. Tại phiên tòa sơ thẩm, cụ L, cụ N cho rằng cha mẹ là cố Kiều L, cố Lê Thị Q có rất nhiều đất đai, đã chia cho con cháu rõ ràng, phần ai người đó sử dụng ổn định từ lâu; phần đất có tranh chấp vợ chồng cụ C, cụ L được toàn quyền sử dụng.

[5] Xét thấy, theo cung cấp của UBND xã H tại Công văn số 88/CV-UBND ngày 25/7/2019, số 21/CV-UBND ngày 05/5/2022, số 28/CV- UBND ngày

06/6/2022 thì cụ Kiều Văn C kê khai hồ sơ địa chính được phê duyệt từ năm 1997, cha mẹ cụ Kiều C là cố Kiều L và cố Lê Thị Q không đăng ký kê khai đất tại địa phương; diện tích 720m² đất thuộc thửa số 189, tờ bản đồ 14 theo *Chứng thư kiến điền* ký ngày 14/3/1969 có thông tin không khớp với hồ sơ địa chính hiện nay nên không dựa theo Chứng thư này để xác định thửa 189 này có phải là thửa 139 hay không. Tại Biên bản xác minh ngày 09/7/2018, UBND xã H cung cấp quá trình sử dụng đất của cụ Kiều C và cụ Lê Thị L không có tranh chấp, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Kiều C, Lê Thị L không thể hiện cấp cho dòng họ và nhà thờ. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Kiều Văn C cung cấp *Tờ tổng chi* và *Bản đồng ưng trí cấp hương hỏa* lập ngày 16/5/1975 để chứng minh đất tranh chấp là đất hương hỏa thờ cúng dòng họ, tuy nhiên các văn bản này ông C không cung cấp bản gốc, đồng thời có nhiều dấu sửa chữa, văn bản ghi “*lập tại H*”. Tại Công văn số 40/UBND ngày 29/7/2022 UBND xã H cho biết “*thời điểm ngày 16/5/1975, đơn vị hành chính H chưa được thành lập*”. Đối với *Biên bản họp gia đình họ Kiều* ngày 28/4/2012 (ÂL) không có đầy đủ các thành viên trong hộ ông Kiều C (cụ thể thiếu Kiều Thị L, Kiều Thị T), không có xác nhận của chính quyền địa phương, cũng không nêu rõ khối di sản để lại cho ông Kiều Văn C quản lý để thờ cúng gồm những di sản nào. Mặt khác, theo Công văn số 88/CV-UBND ngày 25/7/2019 của UBND xã H thì thửa đất số 139 tờ bản đồ 324C diện tích 1.120m² (200m² ONT, 920m² đất vườn) được cân đối theo Nghị định 64/CP cho hộ ông Kiều C, thành viên trong hộ 06 nhân khẩu: Kiều C, Lê Thị L, Kiều Văn T, Kiều Thị T, Kiều Văn T, Lê Thị Q. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất 1.092,7m² là đất cân đối theo Nghị định 64/CP cho 06 nhân khẩu: Kiều C, Lê Thị L, Kiều Văn T, Kiều Thị T, Kiều Văn T, Lê Thị Q, mỗi nhân khẩu có quyền sử dụng diện tích 182,12m², theo Biên bản định giá tài sản ngày 23/4/2021, đất hàng năm khác có đơn giá 90.000đ/m² x 182,12m² = 16.390.800đ là có cơ sở, đúng pháp luật.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét nhu cầu sử dụng đất của bà L, cụ L nên giao hiện vật cho bà L và cụ L là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Kiều Văn C còn thắc mắc cho rằng ngoài quyền sử dụng thửa đất ở số 343, diện tích 200m² và thửa đất trồng cây hàng năm khác (HNK) số 139 diện tích 920m², cùng tờ bản đồ số 324-C thôn Đình Thành, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên được UBND huyện P cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số phát hành BX 583076 (số vào sổ cấp GCN: CH0044) ngày 25/11/2014 cho Kiều C, Lê Thị L thì cha mẹ còn để lại một thửa đất vườn ở nơi khác diện tích 1.047m² hiện do Kiều Văn T và Kiều Văn T sử dụng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết. Xét thấy, thắc mắc của ông Kiều Văn C không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án này nên ông C nếu có yêu cầu thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo đúng quy định của pháp luật.

[7] Từ các mục trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Kiều Văn C và giữ nguyên bản án sơ thẩm; ông C là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Kiều Văn C và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Án phí phúc thẩm: Ông Kiều Văn C được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra II-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên
(để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân